

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VINH LONG
TỈNH VINH LONG
Bản án số: 63/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 07-9-2017
V/v tranh chấp: “Ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH LONG, TỈNH VINH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Quan.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Lệ Hoa.

Bà Nguyễn Thị Yến Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Yến Nhi - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 220/2017/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 183/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phùng Thị Mai P; Nơi cư trú: Số nhà 67 đường Đinh Tiên Hoàng, Phường 8, thành phố Vĩnh Long; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Huỳnh Ngọc T; Nơi cư trú: Số nhà 67 đường Đinh Tiên Hoàng, Phường 8, thành phố Vĩnh Long; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 19/6/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phùng Thị Mai P trình bày:

1. Về hôn nhân: Chị P và anh Huỳnh Ngọc T tự tìm hiểu khoảng 01 năm tiền tới hôn nhân, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 8, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long ngày 20 tháng 8 năm 2001. Sau khi kết hôn, chị P và anh T sống chung với gia đình cha mẹ của anh T tại nhà số 67 đường Đinh Tiên Hoàng, Phường 8, thành phố Vĩnh Long. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh T có quan hệ với nhiều người phụ nữ khác dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi, mâu thuẫn, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Mâu thuẫn giữa chị P và anh T đã được gia đình hai bên hàn gắn nhiều lần nhưng không hàn gắn được. Chị P và anh T đã

sống ly thân từ năm 2015 đến nay, chị P xác định không còn tình cảm gì với anh T. Vì vậy, chị P yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Huỳnh Ngọc T.

2. Về con chung: Chị P và anh T có 02 người con chung, tên Huỳnh Ngọc Phương V, sinh ngày 18/10/2001 và Huỳnh Ngọc Kim K, sinh ngày 14/4/2006; hiện 02 cháu đang sống chung với chị P, do chị P nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị P yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị P khai không có.

Bị đơn Huỳnh Ngọc T được Tòa án thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải và đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa, nhưng anh T vẫn không có văn bản trình bày ý kiến, không đến Tòa án theo giấy triệu tập.

Tại phiên tòa, nguyên đơn Phùng Thị Mai P vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với bị đơn Huỳnh Ngọc T, chị P yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con; bị đơn Huỳnh Ngọc T vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đây là tranh chấp “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng về việc thu thập chứng cứ và hòa giải, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng quy định. Về thời hạn xét xử theo Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án được đưa ra xét xử đúng thời hạn luật định. Quyết định đưa vụ án ra xét xử đủ nội dung theo quy định tại Điều 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử thực hiện đúng nguyên tắc, trình tự xét xử, đầy đủ thành phần theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, thành phần Hội đồng xét xử đầy đủ như quyết định đưa vụ án ra xét xử. Thư ký thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của Thư ký theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật, bị đơn chấp hành chưa tốt về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật. Quá trình kiểm sát xét xử phiên tòa Hội đồng xét xử tiến hành các bước tố tụng đúng quy định.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phùng Thị Mai P. Chị P được ly hôn với anh T.

Về con chung: Giao 02 cháu Huỳnh Ngọc Phương V, sinh ngày 18 tháng 10 năm 2001 và Huỳnh Ngọc Kim K, sinh ngày 14 tháng 4 năm 2006 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị P không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị P chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn Huỳnh Ngọc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn Huỳnh Ngọc T.

[2] Về hôn nhân:

Chị Phùng Thị Mai P và anh Huỳnh Ngọc T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân Phường 8, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long ngày 20 tháng 8 năm 2001. Do đó, quan hệ hôn nhân của chị P và anh T là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nhưng về sau cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn chị P và anh T đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay.

Xét thấy, tình trạng hôn nhân của chị P và anh T đã đến mức mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vợ chồng không còn thương yêu, chung thủy, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, nên yêu cầu ly hôn của chị P là có cơ sở. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị P ly hôn với anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về yêu cầu nuôi con chung của chị P. Xét thấy, chị P và anh T có 02 người con chung, tên Huỳnh Ngọc Phương V, sinh ngày 18/10/2001 và Huỳnh Ngọc Kim K, sinh ngày 14/4/2006. Khi ly hôn, chị P có yêu cầu được tiếp tục nuôi Phương V và Kim K và không yêu cầu anh TS cấp dưỡng nuôi con. Ngoài ra, hai cháu Phương V và Kim K có nguyện vọng được sống với chị P. Bên cạnh đó, chị P và anh T ly thân từ năm 2015 cho đến nay, trong thời gian đó 02 cháu Phương V và Kim K sống với chị P, cuộc sống của 02 cháu đang ổn định. Do đó, việc giao cháu Phương V và Kim K cho chị P được tiếp tục nuôi dưỡng là có căn cứ phù hợp với quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị P không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, nên nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con không đặt ra để giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nợ chung: Chị P khai không có.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn Phùng Thị Mai P chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn.

[8] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 273, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ khoản 1 Điều 9, các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phùng Thị Mai P và anh Huỳnh Ngọc T.

2. Về nuôi con chung: Giao 02 cháu Huỳnh Ngọc Phương V, sinh ngày 18 tháng 10 năm 2001 và Huỳnh Ngọc Kim K, sinh ngày 14 tháng 4 năm 2006 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Anh T được quyền tới lui thăm nom con, không ai được quyền ngăn cản nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung.

3. Về chia tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị P khai không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí: Chị Phùng Thị Mai P chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0002685 ngày 19 tháng 6 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long; chị P đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 của Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

7. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án để xin Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án để xin Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát TPVL;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Chi cục THADS TPVL;
- Lưu hồ sơ; VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Hồng Quan